

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HS-ST
Ngày 25-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Kim Niên;

Ông Vi Thành Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2024 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 02/TB-TA ngày 18 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn H, sinh ngày 06 tháng 6 năm 1964, tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duyên T (đã chết) và bà Nguyễn Thị M (đã chết); vợ Hà Thị N và 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02-11-2023 đến nay; có mặt.

2. Triệu Văn T1, sinh ngày 20 tháng 7 năm 1992, tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn K, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo:

Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn T2 (đã chết) và bà Lương Thị É; vợ Nông Thị P và 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02-11-2023 đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Triệu Văn T1*: Ông Mai Xuân T3 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh L; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Bà Hà Thị N, sinh năm 1965; địa chỉ: Khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Bà Lâm Thị K, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn X, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Bà Lương Thị É, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 30-10-2023, Triệu Văn T1 phát hiện tại lán chăn nuôi tạm của gia đình thuộc xã T, huyện V có 01 con rắn màu đen, dài khoảng 02m, đoán là R hổ mang chúa nên T1 dùng tay bắt rồi cho vào 01 bao tải dứa màu trắng, dùng dây buộc miệng bao lại, sau đó mang về chuồng bò của gia đình ở thôn K, xã V, huyện C cất giữ, chờ tìm người để bán. Khoảng 05 giờ 45 phút ngày 31-10-2023, Nguyễn Văn H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12X1-00.163 nhãn hiệu Super Dream và vợ là Hà Thị N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12K1-8616 nhãn hiệu Yamaha Sirius từ nhà đến xã V để thu mua gia cầm, động vật về bán lại kiếm lời. Đến nơi, mỗi người đứng ở một điểm để thu mua. Khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi đã mua được 06 con gà, Hà Thị N đến nhà mẹ đẻ ở thôn X, xã V, huyện C để thăm mẹ bị ốm. Nguyễn Văn H sau khi mua được của người dân (không rõ thông tin cụ thể) 01 cá thể Cá Mèo còn sống, 01 cá thể Rùa còn sống, 01 cá thể Sóc còn sống, 02 cá thể Sóc đã chết, 01 cá thể Don đã chết, lúc này H đang đứng ở khu vực cổng thôn L, xã V thì Triệu Văn T1 điều khiển xe mô tô (không gắn biển kiểm soát) đến chỗ H trao đổi, bảo H mua rắn không Trung bán cho, sau khi lưỡng lự một lúc, H đồng ý mua. T1 điều khiển xe mô tô về nhà lấy rắn và quay trở lại gặp H đang điều khiển xe mô tô đi trên đường, T1 đi theo H khoảng 500m thì H rẽ vào một ngôi nhà cạnh đường ở thôn X (nhà mẹ đẻ của Hà Thị N). H đỗ xe ở sân rồi đi ra phía sau nhà, T1 mang bao tải chứa Rắn hổ chúa đi theo. Tại đây, H mở bao tải đựng rắn của T1 ra kiểm tra rồi chuyển rắn sang chiếc túi vải của H và cân rắn (bằng loại

cân treo) được 3,3kg (cả túi). Hè thỏa thuận với T1 mua 500.000 đồng/kg, trọng lượng rắn tính tiền là 3,2kg (trừ túi), T1 đồng ý nên H trả cho T1 số tiền 1.600.000 đồng. Hè cho 01 cá thể Rắn, 01 cá thể Mèo rừng, 02 cá thể Sóc đã chết vào 01 chiếc túi vải rồi mang ra xe mô tô biển kiểm soát 12K1-8616 bảo Hà Thị N chở về trước. Hồi 07 giờ 50 phút ngày 31/10/2023, khi điều khiển xe về đến khu vực thôn P, xã V, huyện C, H bị Tổ công tác Công an huyện C kiểm tra, phát hiện và thu giữ tang vật. Khi Nguyễn Văn H chuẩn bị điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12X1-00.163 chở các động vật khác vừa mua được từ thôn X, xã V về nhà thì bị Tổ công tác Công an huyện C kiểm tra, phát hiện và thu giữ toàn bộ tang vật. Nguyễn Văn H khai nhận nguồn gốc các động vật bị thu giữ là của H mua tại chợ V của người dân trên địa bàn xã V, 01 cá thể nghi là R hổ chúa Hè mua của Triệu Văn T1 trong sáng sớm ngày 31-10-2023. Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã tiến hành khám xét chỗ ở của Nguyễn Văn H và Triệu Văn T1 nhưng không phát hiện, thu giữ gì thêm.

Bản Kết luận giám định hình thái động vật số 1857/STTNSV ngày 01-11-2023 của V1, V2 đã kết luận tên loài cho mẫu vật giám định: 01 cá thể nghi là R1 còn sống là loài Rùa sa nhân có tên khoa học là *C mouhotii*, lớp Bò sát (Reptilia); 01 cá thể nghi là R còn sống là loài Rắn hổ chúa có tên khoa học là *O hannah*, lớp Bò sát (Reptilia); 01 cá thể nghi là S còn sống là loài Sóc bụng đỏ có tên khoa học *C1 erythraeus*, lớp Thú (Mammalia); 01 cá thể nghi là H1 đã chết là loài Don có tên khoa học *Atherurus macrourus*, lớp Thú (Mammalia); 01 cá thể nghi là Cáo M1 còn sống là loài Mèo rừng có tên khoa học là *P1 bengalensis*, lớp Thú (Mammalia); 02 cá thể động vật nghi là sóc đã chết là loài Sóc bụng đỏ có tên khoa học *C1 erythraeus*, lớp Thú (M).

Xác định tình trạng bảo tồn theo quy định của pháp luật: Loài Rắn hổ chúa có tên trong Phụ lục I, Danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, ban hành kèm theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP, ngày 16-7-2019 của Chính phủ. Loài Mèo rừng và R1 sa nhân có tên trong Nhóm IIB, Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, ban hành kèm theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP, ngày 22-9-2021 của Chính phủ; loài D và Sóc bụng đỏ không có tên trong Nghị định số 64/2019/NĐ-CP, ngày 16-7-2019 và Nghị định số 84/2021/NĐ-CP, ngày 22-9-2021 của Chính phủ.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 32/KL-HĐĐGTS ngày 24-11-2023 của Hội đồng định giá thường xuyên để định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C đã kết luận: 01 cá thể Mèo rừng còn sống, có trọng lượng 2,5kg có giá trị 1.150.000 đồng; 01 cá thể Rùa sa nhân còn sống, có trọng lượng 0,35kg có giá trị 52.500 đồng; 01 cá thể Sóc bụng đỏ còn sống có trọng lượng 0,35kg có giá trị 120.166 đồng; 02 cá thể Sóc bụng đỏ đã chết, có tổng trọng lượng 0,6kg có giá trị 206.000 đồng; 01

cá thể Don đã chết có trọng lượng 2,4kg có giá trị 1.424.000 đồng. Tổng cộng: 2.953.000 đồng.

Ngày 01-11-2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã bàn giao 01 cá thể Rắn hổ chúa, 01 cá thể Rùa sa nhân, 01 cá thể Sóc bụng đỏ, 01 cá thể Mèo rừng cho Trung tâm C2 để cứu hộ, bảo quản, chăm sóc, xử lý theo quy định. Đối với 01 cá thể Don và 02 cá thể Sóc đã chết, sau khi giám định đã bàn giao cho V1 và tài nguyên sinh vật phục vụ nghiên cứu khoa học.

Quá trình điều tra làm rõ 01 xe mô tô biển kiểm soát 12K1-8616 và chiếc cân kim loại thuộc sở hữu của Hà Thị N, ngày 01-12-2023 Công an huyện C đã trả lại cho Hà Thị N. Ngày 24-01-2024 Công an huyện C trả lại cho Nguyễn Văn H 01 xe mô tô biển kiểm soát 12X1-001.63 nhãn hiệu HONDA Dream, 01 túi đeo bằng vải màu nâu, 02 túi vải màu trắng xám, 04 bao tải dứa màu xanh, 01 túi vải màu trắng đục, 01 túi lưới màu trắng, 01 túi lưới màu đỏ, 01 túi nilon màu xanh thuộc sở hữu của Nguyễn Văn H, không liên quan đến hành vi phạm tội.

Về vật chứng: Hiện đang tạm giữ của bị cáo Triệu Văn T1 01 xe mô tô không có biển kiểm soát, nhãn hiệu HONDA, màu sơn đỏ, số khung: RL1WCHSUM7B243600, số máy: VZS152FMH243600, xe đã qua sử dụng cũ, bị hỏng nhiều bộ phận; số tiền 1.600.000 đồng (gồm 1.125.000 đồng do Triệu Văn T1 tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra và số tiền 475.000 đồng ngày 20-02-2024 nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn theo biên lai thu tiền số: 0005311); của bị cáo Nguyễn Văn H 01 chiếc cân (loại cân treo bằng kim loại); 01 bao tải dứa nhiều màu sắc; 01 túi vải màu trắng đục, bề mặt túi có in chữ nước ngoài; 01 túi đeo bằng vải màu xám.

Cáo trạng số: 10/CT-VKSCL ngày 23 tháng 02 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H, Triệu Văn T1 về tội Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn H, Triệu Văn T1 thừa nhận bị truy tố về tội Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm như nội dung của Cáo trạng là đúng, không oan sai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Hà Thị N khai trong quá trình điều tra: Bà là vợ bị cáo Nguyễn Văn H. Sáng ngày 31-10-2023 được chồng đưa cho túi đồ để vận chuyển từ thôn X, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn để về nhà, nhưng không nói cho bà, bà cũng không kiểm tra nên không biết bên trong có 01 cá thể Rắn hổ chúa và các động vật hoang dã.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Lâm Thị K khai trong quá trình điều tra: Bà là chị dâu của bà Hà Thị N và bị cáo Nguyễn Văn H. Thời điểm sáng ngày 31-10-2023 khi bị cáo Nguyễn Văn H và người đàn ông khác bà

không quen biết có mặt ở gia đình thì có bà và mẹ chồng bà Lý Thị N1 đang ở trong nhà, mẹ chồng bà đang ốm nằm ở trên giường không đi lại được, có bà Hà Thị N cũng đang ở trong nhà thăm mẹ. Bà không biết việc bị cáo Nguyễn Văn H mua, bán, tàng trữ động vật hoang dã, khi Công an kiểm tra thì bà mới biết sự việc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Lương Thị É khai trong quá trình điều tra: Bà là mẹ đẻ và sống cùng nhà với bị cáo Triệu Văn T1. Hàng ngày bà đi chăn bò từ sáng đến chiều tối mới về nhà, bà không biết việc con bà bắt được R mang về nhà rồi đem đi bán, khi Công an khám xét chỗ ở thì bà mới biết sự việc.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố, phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra, đánh giá về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Triệu Văn T1 phạm tội Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm.

Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 244; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Triệu Văn T1; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 244; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018, Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-4-2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với 02 bị cáo. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H, Triệu Văn T1 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước của bị cáo Triệu Văn T1 01 xe mô tô không có biển kiểm soát, nhãn hiệu HONDA, màu sơn đỏ và số tiền 1.600.000 đồng. Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc cân (loại cân treo bằng kim loại), 01 bao tải chứa nhiều màu sắc, 01 túi vải màu trắng đục, bề mặt túi có in chữ nước ngoài, 01 túi đeo bằng vải màu xám của bị cáo Nguyễn Văn H.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14. Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, miễn án phí cho bị cáo Triệu Văn T1 vì là người thuộc diện hộ cận nghèo.

Phản tranh luận: Bị cáo Nguyễn Văn H không có ý kiến tranh luận.

Ý kiến tranh luận của ông Mai Xuân T3 người bào chữa cho bị cáo Triệu Văn T1: Nhất trí với luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, nhân thân, tình tiết tăng nặng,

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử lý vật chứng, án phí. Về hình phạt đề nghị áp dụng mức thấp nhất trong khung hình phạt như Kiểm sát viên đã luận tội với bị cáo Triệu Văn T1. Bị cáo Triệu Văn T1 không có ý kiến tranh luận bổ sung.

Kiểm sát viên đối đáp ý kiến tranh luận của người bào chữa cho bị cáo Triệu Văn T1: Người bào chữa cho bị cáo Triệu Văn T1 nhất trí với luận tội của Kiểm sát viên nên không có ý kiến đối đáp gì thêm. Về đề nghị áp dụng mức hình phạt thấp nhất trong khung hình phạt mà Kiểm sát viên đã luận tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Hà Thị N, bà Lâm Thị K, bà Lương Thị Ế đã được Tòa án triệu tập, nhưng đều vắng mặt có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy những người vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người này.

[2] Về hành vi, quyết định của Điều tra viên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn H, Triệu Văn T1 đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình như tại cơ quan điều tra, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định, định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 31-10-2023 tại thôn X, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, bị cáo Triệu Văn T1 đã bán 01 cá thể Rắn hổ chúa bắt được tại khu vực xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn cho bị cáo Nguyễn Văn H với giá 1.600.000 đồng, mục đích các bị cáo Nguyễn Văn H, Triệu Văn T1 mua bán để kiếm lời.

[4] Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn H, Triệu Văn T1 đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về bảo vệ động vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm, xâm phạm đến sự bền vững của môi trường sinh thái. Các bị cáo là người có đầy đủ năng

lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi bắt, mua bán, vận chuyển động vật hoang dã quý hiếm là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích lợi nhuận, các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi mua bán 01 cá thể Rắn hổ chúa có tên trong Phụ lục I, Danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, ban hành kèm theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP, ngày 16-7-2019 của Chính phủ và Nhóm IIB, Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, ban hành kèm theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP, ngày 22-9-2021 của Chính phủ.

[5] Từ những nhận định tại các đoạn [3], [4] của Bản án, đủ căn cứ để kết luận các bị cáo Nguyễn Văn H, Triệu Văn T1 đã phạm tội Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[6] Đây là vụ án đồng phạm tuy nhiên chỉ mang tính giản đơn, hành vi phạm tội của các bị cáo là độc lập, không có tổ chức. Các bị cáo Nguyễn Văn H, Triệu Văn T1 cùng là người thực hành có vai trò như nhau. Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt.

[6.1] Về nhân thân: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Triệu Văn T1 đều không có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt.

[6.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có bố đẻ là ông Nguyễn Duyên T được tặng Huy chương kháng chiến hạng hai, Huy chương chiến sĩ vẻ vang, Huân chương kháng chiến hạng ba và hiện nay bị cáo đang thờ cúng các liệt sĩ Nguyễn Văn X, Nguyễn Văn Đ (là bác ruột và anh trai ruột); trước khi phạm tội bị cáo chấp hành tốt pháp luật của nhà nước được chính quyền đại phương xác nhận nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Triệu Văn T1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện giao nộp lại toàn bộ số tiền (1.600.000 đồng) do phạm tội mà có; thuộc hộ cận nghèo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6.3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Từ những nhận định trên, xét thấy các bị cáo Nguyễn Văn H, Triệu Văn T1 có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại các khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; có nơi cư trú rõ ràng, ổn định; chưa có tiền án, tiền sự; trước khi phạm tội chấp hành tốt chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước tại địa

phương. Các bị cáo có đủ điều kiện cho hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-4-2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên việc cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội là không cần thiết mà quyết định cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định. Việc cho các bị cáo được hưởng án treo vẫn thể hiện được tính răn đe, giáo dục, tính khoan hồng của pháp luật và không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng đến việc phòng, chống tội phạm tại địa phương.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy qua xác minh các bị cáo Nguyễn Văn H, Triệu Văn T1 không đảm nhiệm chức vụ, không có tài sản riêng, không có thu nhập ổn định để đảm bảo cho việc thi hành án; bị cáo Triệu Văn T1 thuộc hộ cận nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 244 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

[9] Đối với bà Hà Thị N được bị cáo Nguyễn Văn H đưa cho túi đồ để vận chuyển về nhà, bà không biết và cũng không kiểm tra nên không biết bên trong có 01 cá thể Rắn hổ chúa và các động vật hoang dã, do đó không có cơ sở xem xét xử lý trách nhiệm hình sự.

[10] Đối với hành vi của bị cáo Nguyễn Văn H mua các loài động vật hoang dã khác (Mèo rừng, Sóc bụng đỏ, Rùa sa nhân) được xác định thuộc loài có tên trong Nhóm IIB, Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, ban hành kèm theo Nghị định số 84/2021/ND-CP, ngày 22-9-2021 của Chính phủ. Hành vi này chưa đủ căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự, Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bị cáo Nguyễn Văn H bằng hình thức phạt tiền là phù hợp quy định pháp luật.

[11] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe mô tô không có biển kiểm soát, nhãn hiệu HONDA, màu sơn đỏ của bị cáo Triệu Văn T1 sử dụng làm phương tiện phạm tội và số tiền 1.600.000 đồng do phạm tội mà có cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Đối với 01 chiếc cân (loại cân treo bằng kim loại), 01 bao tải chứa nhiều màu sắc, 01 túi vải màu trắng đục, bề mặt túi có in chữ nước ngoài, 01 túi đeo bằng vải màu xám của bị cáo Nguyễn Văn H sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[12] Xác nhận sau khi giám định đã bàn giao cho Viện sinh thái và tài nguyên sinh vật phục vụ nghiên cứu khoa học 01 cá thể Don và 02 cá thể Sóc đã chết. Ngày 01-11-2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã bàn giao 01 cá thể Rắn hổ chúa, 01 cá thể Rùa sa nhân, 01 cá thể Sóc bụng đỏ, 01 cá thể Mèo rừng cho Trung tâm C2 để cứu hộ, bảo quản, chăm sóc, xử lý theo quy định. Ngày 01-12-2023 Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã trả lại cho bà Hà Thị N 01 xe mô tô biển kiểm soát 12K1-8616 và chiếc cân kim loại; ngày 24-01-2024 trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H 01 xe mô tô biển kiểm soát 12X1-001.63 nhãn hiệu HONDA Dream,

01 túi đeo bằng vải màu nâu, 02 túi vải màu trắng xám, 04 bao tải dừa màu xanh, 01 túi vải màu trắng đục, 01 túi lưới màu trắng, 01 túi lưới màu đỏ, 01 túi nilon màu xanh.

[13] Xét luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị về tội danh, hình phạt, về xử lý vật chứng và án phí đối với các bị cáo là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Triệu Văn T1 là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuy nhiên, do bị cáo Triệu Văn T1 thuộc hộ cận nghèo, có đơn xin miễn án phí tại phiên tòa nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Triệu Văn T1.

[15] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 244; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 50, 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 244; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 50, 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Triệu Văn T1.

Căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; các Điều 260, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Triệu Văn T1 phạm tội Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 25 tháng 3 năm 2024. Giao bị cáo Nguyễn Văn H cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện C,

tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2.1. Xử phạt bị cáo Triệu Văn T1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 25 tháng 3 năm 2024. Giao bị cáo Triệu Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc cân (loại cân treo bằng kim loại); 01 bao tải chứa nhiều màu sắc; 01 túi vải màu trắng đục, bề mặt túi có in chữ nước ngoài; 01 túi đeo bằng vải màu xám.

3.2. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước của bị cáo Triệu Văn T1 01 xe mô tô không có biển kiểm soát, nhãn hiệu HONDA, màu sơn đỏ, số khung: RL1WCHSUM7B243600, số máy: VZS152FMH243600, xe đã sử dụng cũ, bị hỏng nhiều bộ phận và số tiền 1.600.000 đồng.

(Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Công an huyện C và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn ngày 26 tháng 02 năm 2024; biên lai thu tiền số 0005311 ngày 19 tháng 02 năm 2024 và Ủy nhiệm chi số 01 ngày 26 tháng 02 năm 2024).

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Bị cáo Triệu Văn T1 được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Triệu Văn T1 có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Hà Thị N, bà Lâm Thị K, bà Lương Thị É vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C;
- Cơ quan THA hình sự Công an huyện C;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- Những người tham gia tố tụng;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Phan Thị Thanh Huyền